

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 11 - 2020

*“Về việc ly hôn, con chung”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Tính

*Các vị Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Văn Sol

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020. Về việc “Ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Cái Rắn A, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Cái Rắn A, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện ngày 13/8/2020 và các lời khai của nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh T và chị Ng kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn ngày 15/10/2013 tại UBND xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Anh T và chị Ng sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2020 thì vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau thường bất đồng quan điểm. Anh T và chị Ng ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Anh T xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên yêu cầu xin ly hôn với chị Ng.

Về con chung: Anh T trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung tên là Lê Trọng Khang, sinh ngày 12/3/2014. Hiện nay con đang sống chung với chị Ng.

Sau khi ly hôn anh T yêu cầu giao con cho chị Ng được tiếp tục nuôi con, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh T trình bày vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với chị Nguyễn Thị Ng, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho chị Ng biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 13/8/2020 nhưng chị Ng không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập họp lệ chị Ng để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng chị Ng không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh T. Tòa án triệu tập xét xử họp lệ lần thứ hai chị Ng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị Ng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Nguyễn Thị Ng có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của anh Lê Văn T khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Ng và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, con chung” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Ng kết hôn ngày 15/10/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, anh T và chị Ng không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Đối với chị Ng, Tòa án đã triệu tập họp lệ hòa giải và triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng chị Ng vắng mặt không lý do, đồng thời chị Ng cũng không có văn bản về ý kiến của mình gửi đến Tòa án chứng tỏ chị Ng đồng ý với yêu cầu của anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T và chị Ng đã ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay tuy thời gian không dài nhưng chị Ng không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ, chứng tỏ mâu

thuần của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị Ng là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh T trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Lê Trọng Khang, sinh ngày 12/3/2014. Hiện nay con đang sống chung với chị Ng. Sau khi ly hôn anh T yêu cầu giao con cho chị Ng được tiếp tục nuôi con, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với chị Ng, Tòa án tổng đạt thông báo hòa giải đến lần thứ hai và triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng chị Ng không có mặt. Do đó, Tòa án không làm việc với chị Ng được về việc yêu cầu nuôi con. Xét thấy cháu Khang đã sống chung với chị Ng từ nhỏ, ổn định cuộc sống, tinh thần nên tiếp tục giao các con cho chị Ng nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T là cha của cháu Khang vẫn có quyền được thăm nom con mà không ai được phép ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: Anh T trình vợ chồng không có tài sản chung, chị Ng không ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh T trình vợ chồng không có không nợ chung, chị Ng không ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân vaø gia ñình sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ng.

- Về con chung: Giao cho Nguyễn Thị Ng tiếp tục nuôi cháu Lê Trọng Khang, sinh ngày 19/7/2014.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), Anh T có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005644 ngày 18/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu. Chị Ng không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Ng được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi gửi:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Dương sự;
- UBND xã Phú Hưng;
- Lưu HS-VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Minh Tính**